

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

C. P.
H. G.
M.
P. H.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần ACC-244 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đức Sinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó chủ tịch
Ông Phan Duy Lĩnh	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 01/11/2017)
Bà Nguyễn Thị Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/11/2017)
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/01/2018)
Ông Nguyễn Đức Sinh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2018)
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Công Nguyên	Phó Tổng giám đốc
Ông Hồ Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm ngày 02/02/2018)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244



Nguyễn Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Số: 138 -18/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần ACC-244

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần ACC-244 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/02/2018, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã thực hiện đối chiếu công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước nhưng chưa đầy đủ. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận số dư công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước tại thời điểm 31/12/2017 lần lượt là 107.975.320.868 đồng và 143.212.156.622 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế do chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ACC-244 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 10 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận với giá trị 9.681.705.222 đồng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 355/NQ-HĐQT 244 ngày 27/10/2017, việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1
Thay mặt và đại diện cho

Lê Thị Hương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2018-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		338.534.711.476	454.585.200.670
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		63.870.786.619	83.696.944.710
1 Tiền	111	V.1.	63.870.786.619	83.696.944.710
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.962.583.581	198.418.387.497
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	142.495.753.181	132.401.190.231
2 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.	14.466.830.400	66.017.197.266
IV Hàng tồn kho	140	V.4.	116.714.185.098	169.870.388.155
1 Hàng tồn kho	141		116.714.185.098	169.870.388.155
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		987.156.178	2.599.480.308
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.	-	160.524.000
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		987.156.178	2.438.956.308
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.518.842.720	2.566.913.634
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.484.181.673	2.441.906.631
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	1.484.181.673	2.441.906.631
- Nguyên giá	222		13.079.176.301	13.079.176.301
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.594.994.628)	(10.637.269.670)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		34.661.047	125.007.003
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5.	34.661.047	125.007.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		340.053.554.196	457.152.114.304

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C NỢ PHẢI TRẢ	300		297.262.331.121	416.545.127.669
I Nợ ngắn hạn	310		297.262.331.121	416.545.127.669
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8.	209.344.272.400	338.764.081.704
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9.	372.633.605	441.402.666
4 Phải trả người lao động	314		-	-
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10.	85.199.349.382	75.475.401.879
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.346.075.734	1.864.241.420
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.791.223.075	40.606.986.635
I Vốn chủ sở hữu	410	V.11.	42.791.223.075	40.606.986.635
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.408.620.000	29.408.620.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.408.620.000	29.408.620.000
1.2 Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		8.237.739.589	6.742.181.981
3 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.144.863.486	4.456.184.654
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.456.184.654	3.780.791.296
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		688.678.832	675.393.358
5 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		340.053.554.196	457.152.114.304

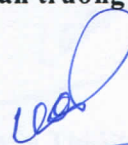
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phạm Thị Bích Hạnh

Nguyễn Thị Vinh

Nguyễn Anh Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	503.821.096.525	506.310.123.262
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	1.212.711.499	5.824.044.326
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		502.608.385.026	500.486.078.936
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	479.926.873.336	478.390.112.109
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22.681.511.690	22.095.966.827
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	180.411.405	254.816.561
7 Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	10.378.500.316	9.891.017.345
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		12.483.422.779	12.459.766.043
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	31.509.091	137.296
12 Chi phí khác	32	VI.6.	5.561.442	18.928.574
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		25.947.649	(18.791.278)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.509.370.428	12.440.974.765
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	2.538.986.374	2.492.733.168
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.970.384.054	9.948.241.597
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	2.542,72	2.537

Người lập



Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		460.173.664.136	582.607.802.866
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(408.141.779.407)	(598.316.481.768)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.511.672.205)	(3.663.309.011)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(195.680.555)	(72.979.415)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.619.677.581)	(2.542.325.563)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.947.509.434	6.154.643.818
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(66.365.381.718)	(11.358.039.064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.713.017.896)	(27.190.688.137)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		180.411.405	254.816.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		180.411.405	254.816.561
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.000.000.000	2.230.081.436
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.000.000.000)	(2.230.081.436)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.293.551.600)	(4.411.293.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.293.551.600)	(4.411.293.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(19.826.158.091)	(31.347.164.576)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		83.696.944.710	115.044.109.286
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	63.870.786.619	83.696.944.710

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Bích Hạnh



Nguyễn Thị Vinh



Nguyễn Anh Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần ACC - 244 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp xây dựng 244 trực thuộc Cục hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty cổ phần ACC-244 trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình hàng không ACC (nay là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC) theo Quyết định Cổ phần hóa số 3643/QĐ-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần thứ nhất ngày 04 tháng 03 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là: **29.408.620.000 VND** (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đá; Khai thác cát, sỏi; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước; Xử lý nước thải; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Trụ sở chính đặt tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng hoặc trên 12 tháng, cụ thể:

- Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trên 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không có khoản phải thu quá hạn thanh toán cần phải trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2017, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng một lần được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai, được phân bổ trong vòng ba năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản đi vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định có liên quan.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 355/NQ-HĐQT244 ngày 27/10/2017, theo đó tỷ lệ trả cổ tức là 18% vốn điều lệ, trích quỹ đầu tư phát triển là 15%, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành là 25%.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bao gồm doanh thu từ hoạt động xây dựng, cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng; doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phân công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	326.191.645	113.170.017
Tiền gửi ngân hàng	63.544.594.974	83.583.774.693
Tiền VND	63.544.594.974	83.583.774.693
Ngân hàng TMCP Quân đội	63.544.594.974	83.583.774.693
Cộng	63.870.786.619	83.696.944.710

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Trại giam số 5 - Tổng cục VIII - Bộ công an	15.775.814.000	-	15.775.814.000	-
Ban quản lý dự án các khu gia đình QCPKKQ	12.872.865.148	-	14.012.209.237	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	12.879.877.177	-	1.120.395.000	-
Học viện tư pháp	14.845.418.398	-	-	-
BTL Quân chủng phòng không không quân	33.710.732.575	-	6.013.692.615	-
Công ty TNHH BOT và BT Quốc lộ 20	7.945.386.981	-	12.796.642.281	-
Tổng cục II - Bộ quốc phòng	245.000.000	-	1.256.460.000	-
Các đối tượng khác	44.220.658.902	-	81.425.977.098	-
Cộng	142.495.753.181	-	132.401.190.231	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

3. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	14.371.010.267	-	65.792.539.722	-
Cao Huy Hoàng	1.008.601.552	-	10.139.963.388	-
Phan Duy Chuyên	-	-	1.860.901.405	-
Hà Thanh Tú	-	-	10.336.032.133	-
Mai Trọng Khoát	-	-	2.539.756.885	-
Nguyễn Mạnh Hà	-	-	1.302.755.793	-
Nguyễn Tiến Trung	597.343.992	-	27.646.424.682	-
Nguyễn Toàn Việt	-	-	3.394.558.854	-
Nguyễn Văn Công	773.759.802	-	355.655.728	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Phạm Thành Đông	-	-	309.666.173	-
Phan Duy Chung	29.855.590	-	253.615.495	-
Đoàn Văn Thương	-	-	7.653.209.186	-
Trần Đình Đạt	11.961.449.331	-	-	-
Thuế TNCN	14.720.133	-	2.797.987	-
Bảo hiểm y tế	-	-	80.262.000	-
Phải thu khác	81.100.000	-	54.232.852	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	87.364.705	-
Cộng	14.466.830.400	-	66.017.197.266	-

4. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	9.500.000	-	9.500.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	116.704.685.098	-	169.860.888.155	-
Cộng	116.714.185.098	-	169.870.388.155	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí dở dang của các công trình Xây dựng và cải tạo đường quốc lộ 20 tỉnh Lâm Đồng, công trình đầu tư xây dựng trường trung cấp luật Tây Bắc tại Sơn La và các công trình khác.

5. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	160.524.000
Chi phí trả trước về tiền bảo hiểm	-	160.524.000
b) Dài hạn	34.661.047	125.007.003
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	34.661.047	125.007.003
Cộng	34.661.047	285.531.003

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2017	3.598.932.512	6.890.585.036	1.581.600.571	77.149.091	930.909.091	13.079.176.301	
Số dư ngày 31/12/2017	3.598.932.512	6.890.585.036	1.581.600.571	77.149.091	930.909.091	13.079.176.301	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2017	2.840.971.238	6.094.783.907	1.236.486.644	77.149.091	387.878.790	10.637.269.670	
Khấu hao trong năm	221.346.972	203.183.256	222.891.698	-	310.303.032	957.724.958	
Số dư ngày 31/12/2017	3.062.318.210	6.297.967.163	1.459.378.342	77.149.091	698.181.822	11.594.994.628	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2017	757.961.274	795.801.129	345.113.927	-	543.030.301	2.441.906.631	
Tại ngày 31/12/2017	536.614.302	592.617.873	122.222.229	-	232.727.269	1.484.181.673	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.714.929.327 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội -	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
CN Thăng Long (*)						
Cộng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

(*) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long theo hợp đồng số 16684.17.068.5157.TD ngày 25/8/2017. Giá trị hợp đồng này đã bao gồm toàn bộ dư HMTD của hợp đồng cấp tín dụng số 64435.16.068.5157.TD ngày 16/9/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***8. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Ban quản lý Dự án 45-TCKT - Bộ Quốc phòng	6.039.368.000	3.108.000.000
Sư đoàn 365	6.857.235.817	16.459.717.000
Sư đoàn 370	-	15.410.414.000
Học viện tư pháp	10.755.720.000	53.695.072.000
Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	57.251.880.000	-
Trường trung cấp luật Tây bắc, tỉnh Sơn la	40.824.956.437	47.604.178.522
Bộ tư lệnh Quân chủng phòng không không quân	45.970.410.988	143.144.899.224
Tổng cục II - Bộ Quốc phòng	517.796.711	14.139.359.636
Các đối tượng khác	41.126.904.447	45.202.441.322
Cộng	209.344.272.400	338.764.081.704

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2017
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	-	5.840.606.631	5.840.606.631	-
Thuế TNDN	438.604.679	2.538.986.374	2.619.677.581	357.913.472
Thuế TNCN	2.797.987	159.489.413	147.567.267	14.720.133
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.561.442	5.561.442	-
Cộng	441.402.666	8.547.643.860	8.616.412.921	372.633.605

10. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Nguyễn Anh Tuấn	2.460.317.307	2.499.053.384
Nguyễn Mạnh Hà	21.459.132.852	25.894.548.853
Cao Huy Hoàng	8.282.102.587	10.244.116.929
Phạm Văn Dục	8.944.939.569	8.944.939.569
Hà Thanh Tú	2.108.860.655	-
Trần Đình Hải	3.035.057.484	7.541.130.144
Nguyễn Toàn Việt	15.352.212.352	2.077.977.641
Đoàn Văn Thương	507.891.978	-
Phan Duy Chuyên	-	1.242.587.683
Nguyễn Tiến Trung	1.347.835.760	2.525.333.094
Nguyễn Công Nguyên	661.766.562	661.766.562

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mai Trọng Khoát	8.918.849.982	1.657.417.128
Phan Duy Sơn	1.849.314.260	-
Các đối tượng khác	1.442.663.972	2.063.984.390
Kinh phí công đoàn	231.846.146	181.198.508
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.596.557.916	9.941.347.994
Tổng Công ty Xây dựng công trình Hàng không ACC	6.862.751.110	7.686.590.641
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông cá nhân & tổ chức công đoàn	1.710.000.000	1.710.000.000
Chi phí thuê đất	-	535.792.000
Phải trả khác	23.806.806	8.965.353
Cộng	85.199.349.382	75.475.401.879

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

11. Vốn chủ sở hữu**11.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	29.408.620.000	1.301.219.906	3.744.746.192	34.454.586.098
Lãi trong năm trước	-	-	9.948.241.597	9.948.241.597
Tăng khác (*)	-	-	36.045.104	36.045.104
Chia cổ tức	-	-	(5.293.551.600)	(5.293.551.600)
Trích lập các quỹ	-	-	(3.979.296.639)	(3.979.296.639)
Giảm khác	-	(1.301.219.906)	-	(1.301.219.906)
Số dư tại ngày 31/12/2016	29.408.620.000	-	4.456.184.654	33.864.804.654
Lãi trong năm nay	-	-	9.970.384.054	9.970.384.054
Chia cổ tức	-	-	(5.293.551.600)	(5.293.551.600)
Trích lập các quỹ	-	-	(3.988.153.622)	(3.988.153.622)
Số dư tại ngày 31/12/2017	29.408.620.000	-	5.144.863.486	34.553.483.486

11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	19.908.620.000	19.908.620.000
Vốn góp của đối tượng khác	9.500.000.000	9.500.000.000
Cộng	29.408.620.000	29.408.620.000

11.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	5.293.551.600	5.293.551.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(* Trong năm, Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 355/NQ-HĐQT244 ngày 27/10/2017, việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ được đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

11.4 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.940.862	2.940.862
- Cổ phiếu phổ thông	2.940.862	2.940.862
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.940.862	2.940.862
- Cổ phiếu phổ thông	2.940.862	2.940.862
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng	-	-

11.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2017	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2017
Quỹ đầu tư phát triển	6.742.181.981	1.495.557.608	-	8.237.739.589
Cộng	6.742.181.981	1.495.557.608	-	8.237.739.589

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp	501.696.551.070	504.500.486.901
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng	2.124.545.455	1.809.636.361
Cộng	503.821.096.525	506.310.123.262
b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giảm giá hàng bán (giảm giá trị quyết toán công trình)	1.212.711.499	5.824.044.326
Cộng	1.212.711.499	5.824.044.326

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	479.926.873.336	478.390.112.109
Cộng	479.926.873.336	478.390.112.109

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	180.411.405	254.816.561
Cộng	180.411.405	254.816.561

5. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu cho thuê tài sản	31.509.091	-
Các khoản khác	-	137.296
Cộng	31.509.091	137.296

6. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền nộp phạt và truy thu thuế	5.561.442	2.373.574
Chi phí khác	-	16.555.000
Cộng	5.561.442	18.928.574

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.553.565.389	4.694.270.609
Chi phí vật liệu quản lý	185.218.002	190.220.247
Chi phí đồ dùng văn phòng	167.758.811	159.917.985
Chi phí khấu hao TSCĐ	518.738.360	527.418.742
Thuế, phí và lệ phí	578.503.697	558.792.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.520.370	391.964.817
Chi phí bằng tiền khác	4.014.195.687	3.368.432.945
Cộng	10.378.500.316	9.891.017.345

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	342.653.929.848	335.380.444.362
Chi phí nhân công	104.122.110.071	104.822.574.155
Chi phí máy thi công	15.868.906.728	24.830.497.390
Chi phí sản xuất chung	17.281.926.689	13.356.596.202
Cộng	479.926.873.336	478.390.112.109

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó	502.820.305.522	500.741.032.793
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>502.820.305.522</i>	<i>500.741.032.793</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	490.310.935.094	488.300.058.028
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>490.125.373.652</i>	<i>488.281.129.454</i>
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>185.561.442</i>	<i>18.928.574</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó:	12.694.931.870	12.459.903.339
<i>Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp do điều chỉnh doanh thu năm 2013</i>	<i>-</i>	<i>15.050.000</i>
<i>Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành</i>	<i>12.694.931.870</i>	<i>12.444.853.339</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	2.538.986.374	2.492.733.168

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.970.384.054	9.948.241.597
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.970.384.054	9.948.241.597
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.492.596.014	2.487.060.399
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.940.862	2.940.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.542,72	2.537,07

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***11. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.07, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Công nợ tài chính

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	63.870.786.619	83.696.944.710
Nợ thuần	(63.870.786.619)	(83.696.944.710)
Vốn chủ sở hữu	42.791.223.075	40.606.986.635

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.870.786.619	83.696.944.710
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.962.583.581	198.418.387.497
Cộng	220.833.370.200	282.115.332.207
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	85.199.349.382	75.475.401.879
Cộng	85.199.349.382	75.475.401.879

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	85.199.349.382	-	85.199.349.382
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND

Phải trả người bán và phải trả khác	75.475.401.879	-	75.475.401.879
-------------------------------------	----------------	---	----------------

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.870.786.619	-	63.870.786.619
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.962.583.581	-	156.962.583.581

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.696.944.710	-	83.696.944.710
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.418.387.497	-	198.418.387.497

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.000.000.000	2.230.081.436
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:		
- Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	5.000.000.000	2.230.081.436

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	12.879.877.177	1.120.395.000
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	-	1.969.804.763
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Tổng Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC	6.862.751.110	7.686.590.641

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị	1.983.871.333	1.829.162.635
Cộng	1.983.871.333	1.829.162.635

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP ACC-244 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập

Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vinh

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244



Nguyễn Anh Tuấn